

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của luồng, vũng quay trở tàu, khu nước cầu cảng
chuyên dùng Bình Trị tại Nhà máy Hòn Chông

KGG - 08 - 2023

Vùng biển: tỉnh Kiên Giang.

Tên luồng: luồng hàng hải chuyên dùng vào cảng Bình Trị.

Căn cứ Đơn đề nghị số 117/SCCVN-KG ngày 14/11/2023 của Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam) – Chi nhánh Kiên Giang về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải định kỳ độ sâu luồng, vũng quay trở tàu, khu nước trước cầu cảng chuyên dùng Bình Trị tại Nhà máy Hòn Chông.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của luồng, vũng quay trở tàu, khu nước trước cầu cảng chuyên dùng Bình Trị tại Nhà máy Hòn Chông, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát đáy luồng hàng hải chuyên dùng được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH) có chiều dài khoảng 17,5 km, chiều rộng 68,0 m, tim luồng được giới hạn bởi 02 điểm T1 và T2 có tọa độ:

Tên Điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
T1	10°12'14,2" N	104°25'04,6" E	10°12'10,6" N	104°25'11,1" E
T2	10°12'39,9" N	104°34'37,0" E	10°12'36,3" N	104°34'43,5" E

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “0” đến phao BHHH số “22” - 290 m, chiều dài khoảng 12,6 km, độ sâu đạt 6,5 m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “22” - 290 m đến cặp phao BHHH số “29”, “30” chiều dài khoảng 4,9 km, độ sâu đạt 4,2 m.

2. Trong phạm vi khảo sát vũng quay trở tàu, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên Điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A	10°12'41,0" N	104°34'37,0" E	10°12'37,4" N	104°34'43,5" E
B	10°12'48,2" N	104°34'47,1" E	10°12'44,5" N	104°34'53,6" E

Tên Điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
C	10°12'48,9" N	104°34'50,7" E	10°12'45,2" N	104°34'57,2" E
C'	10°12'46,8" N	104°34'56,9" E	10°12'43,2" N	104°35'03,3" E
M	10°12'43,1" N	104°34'57,6" E	10°12'39,5" N	104°35'04,0" E
N	10°12'42,2" N	104°34'57,7" E	10°12'38,5" N	104°35'04,2" E
F'	10°12'38,5" N	104°34'58,4" E	10°12'34,9" N	104°35'04,8" E
F	10°12'34,4" N	104°34'53,3" E	10°12'30,8" N	104°34'59,8" E
G	10°12'33,8" N	104°34'49,8" E	10°12'30,2" N	104°34'56,3" E
H	10°12'38,8" N	104°34'37,1" E	10°12'35,2" N	104°34'43,6" E

- Xuất hiện các điểm độ sâu 4,1 m; 4,0 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
4,1	10°12'47,6" N	104°34'46,6" E	10°12'44,0" N	104°34'53,1" E
4,1	10°12'46,2" N	104°34'47,3" E	10°12'42,6" N	104°34'53,7" E
4,1	10°12'47,4" N	104°34'47,2" E	10°12'43,8" N	104°34'53,7" E
4,1	10°12'48,3" N	104°34'47,8" E	10°12'44,7" N	104°34'54,3" E
4,1	10°12'47,8" N	104°34'48,6" E	10°12'44,2" N	104°34'55,0" E
4,1	10°12'48,0" N	104°34'48,6" E	10°12'44,4" N	104°34'55,0" E
4,1	10°12'48,0" N	104°34'49,3" E	10°12'44,3" N	104°34'55,8" E
4,1	10°12'48,5" N	104°34'49,3" E	10°12'44,8" N	104°34'55,8" E
4,0	10°12'48,6" N	104°34'49,3" E	10°12'45,0" N	104°34'55,8" E
4,0	10°12'48,7" N	104°34'50,5" E	10°12'45,1" N	104°34'56,9" E
4,1	10°12'48,6" N	104°34'51,1" E	10°12'45,0" N	104°34'57,6" E

- Ngoài các điểm có độ sâu trên, độ sâu khu vực này đạt 4,2 m.

3. Trong phạm vi khảo sát khu nước cảng xuất Xi măng, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên Điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
C'	10°12'46,8" N	104°34'56,9" E	10°12'43,2" N	104°35'03,3" E
D	10°12'45,5" N	104°35'01,1" E	10°12'41,9" N	104°34'07,6" E
K	10°12'43,8" N	104°35'01,4" E	10°12'40,2" N	104°35'07,9" E
M	10°12'43,1" N	104°34'57,6" E	10°12'39,5" N	104°35'04,0" E

- Xuất hiện các điểm độ sâu 3,8 m; 2,8 m; 4,0; 2,9 m; 3,9 m; 3,6 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
3,8	10°12'43,3" N	104°34'58,6" E	10°12'39,7" N	104°35'05,0" E
2,8	10°12'43,4" N	104°34'58,7" E	10°12'39,8" N	104°35'05,2" E
4,0	10°12'43,6" N	104°34'58,8" E	10°12'39,9" N	104°35'05,3" E
2,9	10°12'43,4" N	104°34'58,9" E	10°12'39,8" N	104°35'05,3" E
3,9	10°12'43,6" N	104°34'59,0" E	10°12'40,0" N	104°35'05,4" E
3,6	10°12'43,5" N	104°34'59,0" E	10°12'39,8" N	104°35'05,5" E

- Ngoài các điểm có độ sâu trên, độ sâu khu vực này đạt 4,2 m.

4. Trong phạm vi khảo sát khu nước cảng nhập nguyên liệu, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
E	10°12'41,3" N	104°35'01,9" E	10°12'37,7" N	104°34'08,4" E
F'	10°12'38,5" N	104°34'58,4" E	10°12'34,9" N	104°35'04,8" E
N	10°12'42,2" N	104°34'57,7" E	10°12'38,5" N	104°35'04,2" E
O	10°12'42,8" N	104°35'01,6" E	10°12'39,2" N	104°35'08,0" E

- Xuất hiện điểm độ sâu 4,1 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
4,1	10°12'42,4" N	104°35'01,6" E	10°12'38,8" N	104°35'08,1" E

- Ngoài điểm có độ sâu trên, độ sâu khu vực này đạt 4,3 m.

Số liệu độ sâu căn cứ bình đồ ký hiệu từ BT01_10_23 đến BT09_10_23, tỷ lệ 1/2000 và BT10_10_23 tỷ lệ 1/1000 do Công ty CP Tư vấn Đầu tư Công trình Hàng hải Việt Nam (MCIC) đo đạc hoàn thành tháng 11 năm 2023.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam) – Chi nhánh Kiên Giang ⁽¹⁾./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực V;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Các phòng: KT-KH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu: VT-VP, P. ATHH^{Nhiên}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



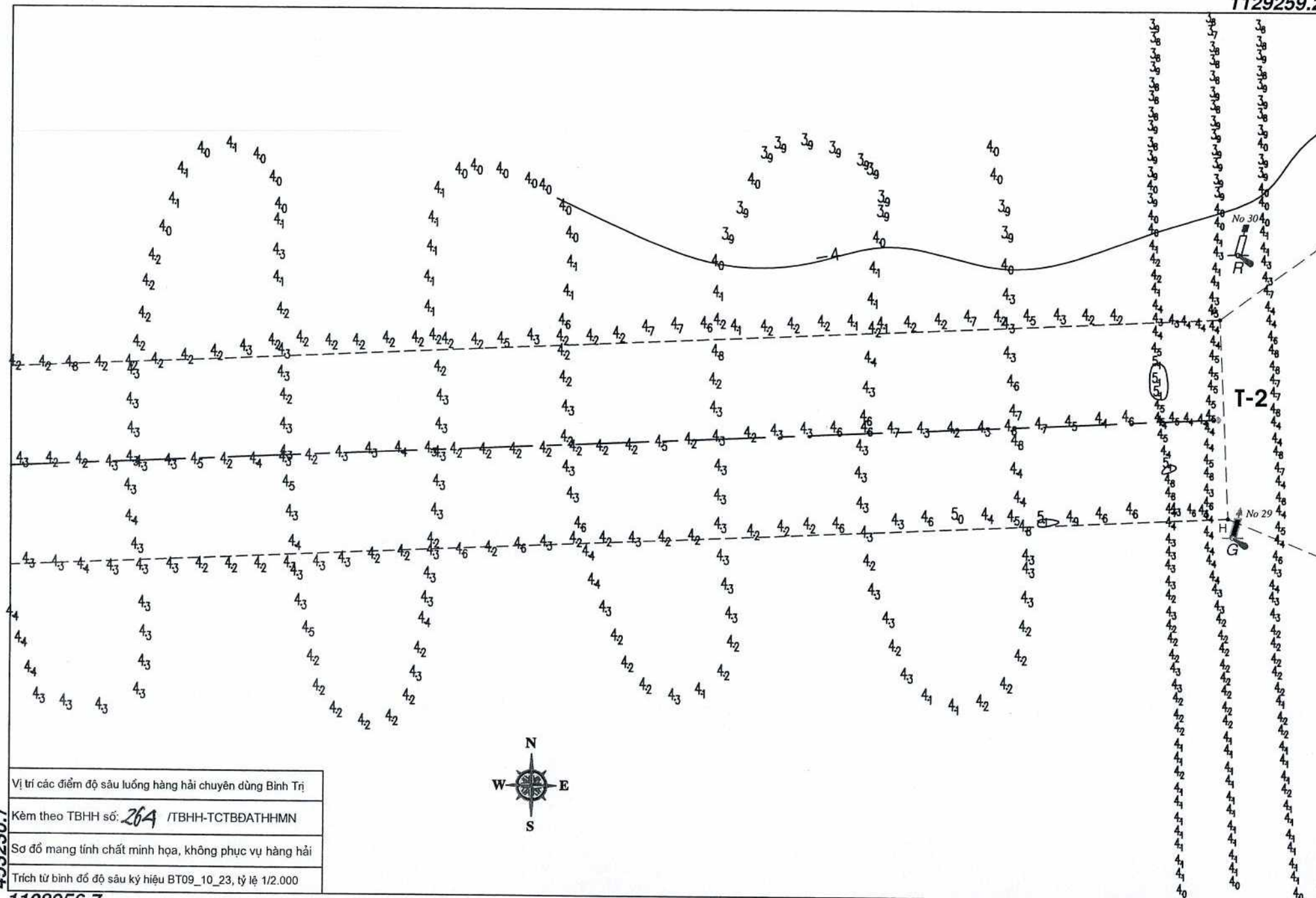
Đinh Thái Công

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin minh cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)
 - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó Sự cố tràn dầu khu vực miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- 7 Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- 8 Cty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- 9 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
 - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế
 - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang
 - Cty Vận tải Biển Bắc
- 10 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
- 11 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)
- 12 Cty CP Vận Tải & Cung ứng Xăng Dầu Đường Biển
- 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)
- 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam(VOSCO)
- 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP
- 16 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 17 CNI - Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 18 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 19 Trường Cao đẳng hàng hải II
- 20 Cty CP Cảng Sài Gòn
- 21 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 22 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 23 Đài thông tin Duyên hải Kiên Giang
- 24 Cty Phương Nam - Bộ Quốc phòng
- 25 Bộ đội Biên phòng tỉnh Kiên Giang
- 26 Sở Giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang
- 27 Sở NN&PTNT tỉnh Kiên Giang
- 28 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Tây Nam Bộ
- 29 Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)
 - Chi nhánh Kiên Giang

137
G
10 Đ
NG
4M
RIA



Vị trí các điểm độ sâu luồng hàng hải chuyên dùng Bình Trị

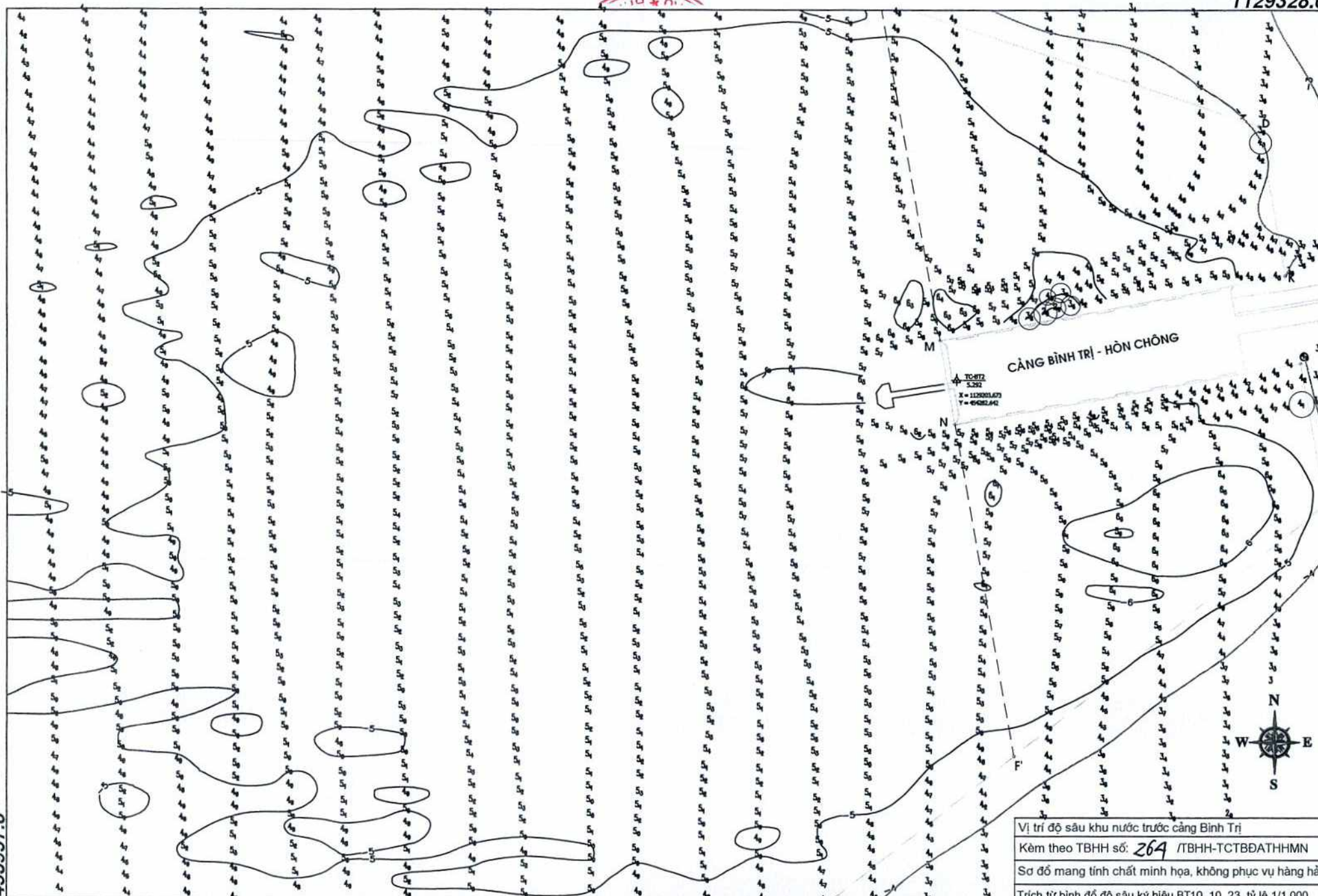
Kèm theo TBHH số: 264 /TBHH-TCTBDATHHVN

Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải

Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu BT09_10_23, tỷ lệ 1/2.000

453957.8

1129026.1



Vị trí độ sâu khu nước trước cảng Bình Trị
Kèm theo TBHH số: 264 /TBHH-TCTBDATHMN
Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu BT10_10_23, tỷ lệ 1/1.000

Kinh tuyến trực 105 độ, múi chiều 3 độ

1129328.6

454409.0